

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16 – 01 – 2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Út

Bà Trịnh Thị Trúc Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ngà – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 04 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm: 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Anh Trần Hoàng T, sinh năm: 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 1997 chị Trần Thị N và anh Trần Hoàng T tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L nhưng do quá trình

chung sống giấy chứng nhận kết hôn của chị đã bị lạc mất. Hôn nhân do vợ chồng cùng tự nguyện.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng dần về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị N và anh T đã sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị N yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung Trần Hoàng D (giới tính nam), sinh năm 2000 và Trần Thị H (giới tính nữ), sinh năm 2001. Trần Hoàng D đã chết năm 2022 và Trần Thị H đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn Trần Hoàng T nhưng bị đơn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang phát biểu ý kiến như sau: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Trần Thị N và anh Trần Hoàng T là vợ chồng. Về con chung: Cháu Trần Hoàng D đã chết và Trần Thị H đã trưởng thành nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung chị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn”, căn cứ các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Trần Hoàng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với bị đơn và dành quyền kháng cáo cho bị đơn theo luật định.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Trần Thị N và bị đơn Trần Hoàng T có tổ chức lễ cưới vào năm 1997, chị N cho rằng sau khi tổ chức lễ cưới vợ chồng chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L nhưng trong quá trình chung sống thì giấy chứng nhận kết hôn của anh chị bị lạc mất. Xét thấy, theo đơn xin xác nhận mà nguyên đơn cung cấp, ngày 18/7/2022 Ủy ban nhân dân xã L xác nhận *“kiểm tra sổ bộ lưu năm 1997 thì hai đương sự nêu trên không có đăng ký kết hôn”*. Tại phiên tòa chị N yêu cầu ly hôn với anh T.

Xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: *“Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng”*. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị Trần Thị N và anh Trần Hoàng T là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là Trần Hoàng D (giới tính nam), sinh năm 2000 và Trần Thị H (giới tính nữ), sinh năm 2001. Trần Hoàng D đã chết năm 2022 và Trần Thị H đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 15, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị N.
2. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị N và anh Trần Hoàng T là vợ chồng.
3. Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét.
4. Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.
5. Về nợ chung: Chị N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.
6. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*). Chị N được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số 0004425 lập ngày 17 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.
7. Nguyên đơn Trần Thị N có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn Trần Hoàng T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công tại tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi bị đơn cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKS ND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Long Mỹ;
- UBND xã Long Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Đình Tiến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Út Trịnh Thị Trúc Linh

Nguyễn Đình Tiến

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKS ND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Lil